

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 142/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 25-01-2018

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Soan

Bà Lê Thị Thanh Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thành Phong – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1448/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 48/2018/QĐHPT-ST ngày 08 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thúy P, sinh năm: 1964, địa chỉ cư trú: Đường A, phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2.*Bị đơn:* Ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1961, địa chỉ cư trú: Đường D, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn: Bà P trình bày: Bà và ông Đ sống chung với nhau từ năm 1987, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Do trong thời gian chung sống bà và ông Đ xảy ra nhiều mâu thuẫn trong tình cảm vợ chồng nếu tiếp tục sống chung chỉ làm khổ nhau nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Vũ Ngọc Đan T, sinh ngày: 09/12/1987 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Vũ Văn Đ đã bỏ đi khỏi địa phương và Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã có quyết định giải quyết việc dân sự số: 674/2017/QĐDS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2017 tuyên bố ông Vũ Văn Đ mất tích nên mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn không ghi được lời khai của ông Đ. Ông Đ vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn cư trú tại số: Đường D, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng: Do đương sự: Bà P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Ông Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2]. Xét yêu cầu của các đương sự: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P thấy rằng. Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyển số: 1/1987 ngày 25/2/1987 của Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thúy P và ông Vũ Văn Đ là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ, chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà P xét thấy bà P và ông Đ sống chung với nhau từ năm 1987, ông Đ đã bỏ nhà đi và không liên lạc gì với bà P. Ngày 26 tháng 9 năm 2017, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp đã có quyết định giải quyết việc dân sự số: 674/2017/QĐDS-ST tuyên bố ông Vũ Văn Đ, sinh năm 1961, nơi cư trú cuối cùng: Đường D, phường E, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh mất tích. Như vậy, tuy giữa bà P và ông Đ tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng trên thực tế thì bà P và ông Đ đã không còn sống chung từ năm 1990. Do đó, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên việc bà P yêu cầu ly hôn với ông Đ là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số: 00250, quyền số: 02/1987 ngày 28/12/1987 của Ủy ban nhân dân Phường 16, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác định được bà P và ông Đ có 01 con chung tên là Vũ Ngọc Đan T, sinh ngày: 09/12/1987 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thúy P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thúy P được ly hôn ông Vũ Văn Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số: 06, quyền số: 1/1987 ngày 25/2/1987 của Ủy ban nhân dân Phường 15, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

Về con chung: Có 01 con chung tên là Vũ Ngọc Đan T, sinh ngày: 09/12/1987 đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà P phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng bà P đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0027752 ngày 25/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà P đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày được tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Mạnh Cường